

Bản án số: **29/2023/HS-ST**
Ngày: 11 - 5 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Lương Đình Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga – Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Nguyễn Văn C – Thẩm phán;

2. Bà Hoàng Thị Phương D – Kiểm sát viên.

- Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Vũ Đức D1 - Cán bộ Nhà tạm giữ - Công an huyện B.

2. Ông Đỗ Danh H - Cán bộ Nhà tạm giữ - Công an huyện B.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang và điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ - Công an huyện B xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN H3 – Sinh ngày 25/3/2004.

Nơi sinh: Xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Văn H1, sinh năm 1979 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1979.
Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhận thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023,
TAND huyện Bình Giang xử phạt H2 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (H2
chưa chấp hành hình phạt tù).

Tạm giữ: Từ ngày 03/02/2023 đến ngày 06/02/2023.

Tạm giam: Từ ngày 06/02/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh
H.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

*** Tại điểm cầu trung tâm:**

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Duy C1, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Số A ngõ C, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

*Bà Nguyễn Thị N1 ủy quyền cho ông Nguyễn Duy C1. Ông C1 vắng mặt
và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

+ Ông Trương Trung K, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Vũ Thế L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H3 là đối tượng không có công ăn, việc làm ổn định. Khoảng
18 giờ ngày 24/01/2023, H3 đi bộ từ nhà đến thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải
Dương, mục đích tìm nhà nào có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến khu dân
cư mới thuộc thôn M, H3 phát hiện tại Nhóm lớp mầm non Sao M (gọi tắt là

Trường mầm non S, do bà Nguyễn Thị N1 là chủ nhóm) đóng cửa, tắt điện, không có ai trông coi. H3 quan sát xung quanh thấy khu vực nhà vệ sinh ở bên phải tầng 1 có cửa ô thoáng đang mở, không có chấn song, có thể chui vào bên trong khuôn viên. H3 đi đến cạnh nhà vệ sinh chui qua ô thoáng vào bên trong đến khu vực các phòng học (các phòng học đều trong trạng thái mở cửa). Tại đây, phát hiện thấy ở khu vực bên trong cạnh cửa phòng học MICKEY 2 có 1 ba lô bên trong đựng 1 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu Lenovo màu bạc kèm theo dây sạc của ông Nguyễn Duy C1 (là anh trai bà N1), H3 lấy chiếc laptop và dây sạc rồi chui qua ô thoáng ra ngoài cất giấu vào trong bụi cây ở trong khu đất trống cạnh trường rồi đi bộ về nhà. Sau khi về nhà, H3 mượn xe mô tô BKS 34B5-108.21 của mẹ đẻ là bà Phạm Thị N2 mục đích để quay lại trường mầm non mang máy tính xách tay vừa trộm cắp được đi bán (H3 không nói cho bà N2 biết mục đích). Khi đi đến khu vực Nhà văn hóa thôn M2, xã V, H3 gặp anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 2003 ở cùng thôn đang đi bộ, H3 rủ anh M1 đi bán máy tính xách tay, anh M1 hỏi máy tính của ai, ở đâu thì H3 nói máy tính của H3 đang để ngoài, anh M1 đồng ý. H3 chở anh M1 đến chỗ cất giấu, lấy máy tính để ở bụng xe rồi chở anh M1 đến cửa hàng M3 ở số A đường H, thị trấn K, huyện B bán cho anh Vũ Thế L được 2.500.000đ, sau đó H3 chở anh M1 đi về nhà.

Đến khoảng 18 giờ ngày 26/01/2023, H3 điều khiển xe mô tô BKS 34BS-108.21 tiếp tục đi đến Trường mầm non S để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, H3 dựng xe mô tô ở ngoài đường, trèo qua hàng rào đột nhập vào bên trong phòng học MICKEY 2 lấy 1 cây máy vi tính nhãn hiệu E-DRA màu đen để trên kệ gỗ cạnh cửa, H3 đi sang phòng học MICKEY 1 lấy 1 màn hình máy vi tính nhãn hiệu HP, 1 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 1 dây nguồn và 1 dây nối màn hình (cũng là tài sản của ông C1) để trên mặt bàn giáp tường cạnh cửa ra vào mang ra ngoài. Sau đó, H3 để bộ máy vi tính ở bụng xe mô tô rồi mang đến cửa hàng M4 tại thôn M, xã B, huyện B bán cho ông Trương Trung K được 200.000đ. Toàn bộ số tiền bán tài sản ngày 24/01/2023 và 26/01/2023 H3 đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 02/02/2023, ông C1 đến làm việc, phát hiện bị mất tài sản nên làm đơn trình báo với Công an xã V, huyện B xác minh làm rõ. Ngày 03/02/2023, Phạm Văn H3 đến Công an xã V đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. Công an xã V đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 03/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện B kết luận: 1 máy tính xách tay, nhãn hiệu Lenovo kèm dây sạc trị giá 3.000.000đ; 1 màn hình nhãn hiệu HP, 1 cây máy tính nhãn hiệu E-DRA, 1 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 1 dây nguồn, 1 dây nối màn hình trị giá 2.800.000đ. Tổng trị giá tài sản là 5.800.000đ.

Vật chứng của vụ án: 1 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo kèm dây sạc; 1 màn hình nhãn hiệu HP, 1 cây máy tính nhãn hiệu E-DRA, 1 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 1 dây nguồn, 1 dây nối màn hình, ngày 03/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Duy C1.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Thế L yêu cầu Phạm Văn H3 phải bồi thường số tiền 2.500.000đ. Ông C1 và ông K không yêu cầu H3 phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 12/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Văn H3 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H3 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Văn H3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn H3 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo H3 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 19 tháng đến 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Thế L số tiền 2.500.000đ.

+ Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị buộc bị cáo Phạm Văn H3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Phạm Văn H3:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, biên bản mở niêm phong xem xét, ghi nhận dữ liệu camera, biên bản và bản ảnh thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

[2.2] Vào khoảng 18 giờ ngày 24/01/2023 và 18 giờ ngày 26/01/2023, tại Trường mầm non S thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Phạm Văn H3 có hành lén lút trèo tường, trèo qua ô thoáng nhà vệ sinh đột nhập vào bên trong các phòng học chiếm đoạt của ông Nguyễn Duy C1 tài sản gồm: 1 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo kèm theo dây sạc trị giá 3.000.000đ; 1 màn hình nhãn hiệu HP, 1 cây

máy tính nhãn hiệu E- DRA, 1 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 1 dây nguồn và 1 dây nối màn hình trị giá 2.800.000đ. Tổng trị giá tài sản H3 đã chiếm đoạt là 5.800.000đ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích vụ lợi cho bản thân là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông C1 tài sản gồm 1 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo kèm theo dây sạc, 1 màn hình nhãn hiệu HP, 1 cây máy tính nhãn hiệu E- DRA, 1 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 1 dây nguồn và 1 dây nối màn hình có tổng giá trị là 5.800.000đ nên hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Ngày 13/01/2023, bị cáo bị kết án về hành vi Trộm cắp tài sản tuy nhiên tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới, bản án xét xử đối với bị cáo chưa có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 24/01/2023 và ngày 26/01/2023, mỗi hành vi bị cáo thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú và trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại trong đơn xin xét xử vắng mặt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó là bài học mà tiếp tục thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản thể hiện ý thức coi thường pháp luật do

vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[4.1] Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của TAND huyện Bình Giang xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản đã có hiệu lực pháp luật và bị cáo chưa thi hành hình phạt tù của bản án nêu trên do đó cần tổng hợp hình phạt của cả hai bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Anh Vũ Thế L yêu cầu Phạm Văn H3 phải bồi thường cho anh L số tiền 2.500.000đ (không yêu cầu tính lãi), đây là số tiền mà anh L bỏ ra để mua chiếc máy vi tính xách tay nhãn hiệu Lenovo kèm dây sạc của H3 mà không biết tài sản do H3 trộm cắp mà có do đó cần buộc bị cáo Phạm Văn H3 phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Vũ Thế L số tiền 2.500.000đ.

[6.2] Ông Nguyễn Văn C2 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; ông Trương Trung K không yêu cầu H3 phải hoàn trả số tiền 200.000đ là tiền do ông bỏ ra mua bộ máy vi tính và cho bị cáo số tiền nêu trên nên về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông C2 và ông K không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 03/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Duy C1 1 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo kèm dây sạc; 1 màn hình nhãn hiệu HP, 1 cây máy tính nhãn hiệu E-DRA, 1 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 1 dây nguồn, 1 dây nối màn hình là phù hợp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Văn M1 đi bán máy vi tính xách tay cùng bị cáo, quá trình điều tra H3 trình bày anh M1 chỉ đi cùng với H3 mà không biết tài sản do H3 trộm cắp mà có, hiện anh M1 vắng mặt tại địa phương; Bà Vũ Thị N cho H3 mượn xe mô tô nhưng không biết H3 sử dụng vào việc phạm tội; Anh Vũ Thế L và ông Trương Trung K là người mua tài sản nhưng không biết tài sản đó do H3 phạm tội mà có nên không đặt ra xem xét việc xử lý trách nhiệm.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 56; Điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585, 586, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H3 **12 (mười hai)** tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt **07 (bảy)** tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo H3 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **19 (mười chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn H3 phải bồi thường cho anh Vũ Thế L số tiền 2.500.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Vũ Thế L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền trên, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn H3 phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV - CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải